

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KT02002: KINH TẾ VĨ MÔ I (MACROECONOMIC I)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 2
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 3 (3 – 0 – 9)**
 - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 37 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 8 tiết
- Giờ tự học: 135 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Bộ môn Kinh tế
 - Khoa: Kinh tế và phát triển nông thôn
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

- Về kiến thức: sinh viên có thể tổng hợp và đánh giá các nguyên lý cơ bản về kinh tế học vĩ mô (tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, chính sách vĩ mô, lạm phát, thất nghiệp, tăng trưởng.....) để ra quyết định trong cuộc sống.
- Về kỹ năng: sinh viên có kỹ năng thu thập thông tin, so sánh nhiều chiều, tổng hợp, phản biện và độc lập ra quyết định trong cuộc sống hàng ngày phù hợp với quy định pháp luật, và các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước.
- Về Thái độ: Học phần rèn luyện cho sinh viên nâng cao thái độ học tập và nhận thức về các chính sách trong và ngoài nước, chủ động cập nhật thông tin về các vấn đề kinh tế vĩ mô.

*** Kết quả học tập mong đợi của chương trình**

Sau khi hoàn tất Chương trình, Sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	CDR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
Kiến thức chuyên môn	CDR 2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
	CDR 3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.

	CĐR 4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
	CĐR 5: Thiết kế các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng chung	CĐR 6: Vận dụng tư duy tâm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
	CĐR 7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng.
	CĐR 8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CĐR 9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
	CĐR 10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ	CĐR 11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
	CĐR 12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT												
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	
KT0 2002	Kinh tế vĩ mô I	I1					I6						I11	

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Phân tích được các lý thuyết cơ bản về kinh tế vĩ mô vào ngành Khoa học môi trường	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường
K2	Áp dụng được các nguyên lý kinh tế vĩ mô trong thực tế	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường
K3	Áp dụng các nguyên lý kinh tế vĩ mô vào đời sống thông qua tranh luận về các vấn đề, biến số, chính sách kinh tế vĩ mô gắn với sự phát triển và việc điều hành một nền kinh tế của một nước.	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường

Kỹ năng		
K 4	Phát triển kỹ năng tổng hợp kiến thức và giải các bài toán về kinh tế học vĩ mô	CĐR 6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
Thái độ		
K 5	Chủ động học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để bổ sung, phát triển lý luận và thực tiễn về kinh tế học vĩ mô	CĐR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

KT02002 - Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics 1) (3 tín chỉ: 3 – 0 – 9).

Giới thiệu những vấn đề kinh tế cơ bản, các mô hình kinh tế để phân tích các biến cố trong cuộc sống. Bao gồm các kiến thức cơ bản về đại cương về kinh tế học, khái quát chung về kinh tế học vĩ mô, tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tổng cung và chu kỳ kinh doanh, thất nghiệp và lạm phát.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Thuyết giảng (Lecturing method): giảng viên sử dụng các phương tiện truyền đạt (bảng viết, đèn chiếu, hệ thống âm thanh,...) để trình bày nội dung bài giảng.

Phương pháp giảng dạy phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên.

2. Phương pháp học tập

- Ghi chép bài đầy đủ những nội dung giảng viên thuyết trình để tiếp tục tự học ở nhà
- Chủ động tự học tập và tham khảo tài liệu giải quyết vấn đề cuối mỗi chương.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Có mặt trên lớp học ít nhất 75% (đối với sinh viên học 1 chương trình) hoặc 65% (đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình hoặc học vượt).
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo trước khi đến lớp học.
- Bài tập: tất cả sinh viên tham dự học phần này phải hoàn thành các bài tập ở cuối giáo trình bài giảng kinh tế vĩ mô.
- Thi cuối kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự buổi thi cuối kỳ, nội dung toàn bộ kiến thức đã học

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Kế hoạch đánh giá và trọng số:

Rubric 1. Tham dự lớp: 10%

Rubric 2. Kiểm tra giữa kỳ: 30%

Rubric 3. Thi kết thúc học phần: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1. Ma trận đánh giá các kết quả học tập mong đợi của học phần

Các KQHTMD của HP	Tham dự lớp (10%)	Kiểm tra giữa kỳ (30%)	Thi kết thúc học phần (60%)
K1		X	X

K2		X	X
K3		X	X
K4		X	X
K5	X		

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1: Phân tích các lý thuyết cơ bản về kinh tế vĩ mô hiện đại: hệ thống kinh tế vĩ mô, các mục tiêu và chính sách kinh tế vĩ mô, tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân.. Chỉ báo 2: Phân tích nguyên nhân lạm phát, tác động của lạm phát đến nền kinh tế và giải pháp kiềm chế lạm phát. Chỉ báo 3: Phân tích tác động của thất nghiệp và các giải pháp hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp
K2	Chỉ báo 4: Áp dụng các nguyên tắc kinh tế vĩ mô cho các cuộc tranh luận về vấn đề kinh tế vĩ mô, các biến số và chính sách liên quan đến sự phát triển của các nền kinh tế. Chỉ báo 5: Phân tích các mục tiêu kinh tế vĩ mô hiện nay. Chỉ báo 6: Phân tích các vấn đề và chính sách kinh tế vĩ mô hiện nay
K3	Chỉ báo 7: Áp dụng chính sách tiền tệ của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam.
K4	Chỉ báo 8: Phân tích những đặc trưng cơ bản trong các thời kỳ của chu kỳ kinh doanh. Chỉ báo 9: Vận dụng kiến thức kinh tế vĩ mô, hãy phân tích tình hình phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, liên hệ thực tiễn với Việt Nam.
K5	Chỉ báo 10: Định hướng cách nghiên cứu tài liệu về vấn đề kinh tế vĩ mô, vận dụng trong thực tiễn tương lai rõ ràng.

Rubric 1: Tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thời gian tham dự	50	Nghỉ ≤ 01 buổi học có phép	Nghỉ 02 buổi học	Nghỉ 03 buổi học	Nghỉ > 3 buổi học
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Không đến muộn sau giờ học quá 10 phút
- Yêu cầu về đạo đức: tôn trọng giảng viên và các sinh viên khác trong lớp, không nói chuyện riêng, không dùng điện thoại, ăn uống trong lớp học.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Giáo trình

- Nguyễn Phúc Thọ (2010). Giáo trình Kinh tế vĩ mô tập 1. NXB ĐH Nông nghiệp. 155 tr
- Nguyễn Tất Thắng (2019). Giáo trình Kinh tế vĩ mô 2. NXB HV Nông nghiệp. 120tr

* Tài liệu tham khảo

- Trần thị Minh Ngọc, Trương Văn Hiếu (2013). 1.200 câu hỏi trắc nghiệm kinh tế vĩ mô. NXB Thời Đại. 327 tr
- Paul A. Samuelson (2002). Kinh tế học tập 2. NXB Thống Kê. 809 tr
- Andrew B. Abel, Ben S. Bernanke, Dean Croushore (2017). Macroeconomics. 9th Edition. 670p.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Kế hoạch giảng dạy	KQHTMD của học phần
1 + 2	<p>Chương 1: Đại cương về kinh tế học</p> <p>A. Tóm tắt nội dung chính trên lớp (6 tiết)</p> <p>1.1. Khái niệm, những đặc trưng và phương pháp luận nghiên cứu kinh tế học</p> <p>1.1.1. Khái niệm kinh tế học</p> <p>1.1.2. Những đặc trưng của kinh tế học</p> <p>1.1.3. Phương pháp luận nghiên cứu kinh tế học</p> <p>1.2. Mười nguyên lý của kinh tế học</p> <p>1.3. Tổ chức kinh tế của nền kinh tế hỗn hợp</p> <p>1.3.1. Ba chức năng cơ bản của một nền kinh tế</p> <p>1.3.2. Tổ chức kinh tế của nền kinh tế hỗn hợp</p> <p>a. Một số khái niệm cơ bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các yếu tố sản xuất, giới hạn khả năng sản xuất và chi phí cơ hội - Quy luật thu nhập giảm dần và quy luật chi phí tương đối ngày càng tăng <p>b. Phân tích cung cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu cầu và đường cầu - Biểu cung và đường cung - Sự cân bằng cung cầu 	K1, K 2
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</p> <p>Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương 1</p>	
3 + 4	<p>Chương 2: Khái quát về kinh tế học vĩ mô</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết (5 tiết)</p> <p>2.1 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vĩ mô</p> <p>2.1.1 Đối tượng nghiên cứu</p> <p>2.1.2 Phương pháp nghiên cứu</p> <p>2.2 Hệ thống kinh tế vĩ mô</p> <p>2.2.1 Tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế</p> <p>2.2.2 Biểu diễn tổng cung và tổng cầu trên đồ thị</p> <p>2.2.3 Sự dịch chuyển của đường tổng cung và tổng cầu</p> <p>2.3 Các mục tiêu và công cụ của kinh tế vĩ mô</p> <p>2.3.1 Các mục tiêu của kinh tế vĩ mô</p> <p>2.3.2 Các chính sách của kinh tế vĩ mô chủ yếu</p> <p>2.4 Một số khái niệm và mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ</p>	K1, K2, K4

	mô cơ bản 2.4.1 Tổng sản phẩm quốc dân và sự tăng trưởng kinh tế 2.4.2 Chu kỳ kinh doanh và sự thiếu hụt sản lượng 2.4.3 Tăng trưởng và thất nghiệp 2.4.4 Tăng trưởng và lạm phát 2.4.5 Lạm phát và thất nghiệp Nội dung bài tập: (1 tiết)	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi ôn tập, bài tập cuối chương 2	K1, K2, K3
	Chương 3: Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân	
5 + 6	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (5 tiết) 3.1 Tổng sản phẩm quốc dân – thước đo thành tựu kinh tế của một nước 3.1.1. Khái niệm về tổng sản phẩm quốc dân (GNP) 3.1.2. Các chỉ tiêu đo lường thành tựu kinh tế quốc dân và mối quan hệ giữa chúng 3.1.3. Ý nghĩa của GDP, GNP trong phân tích kinh tế vĩ mô 3.2 Phương pháp xác định GDP 3.2.1 Sơ đồ vòng luân chuyển kinh tế vĩ mô 3.2.2 Phương pháp xác định GDP theo luồng sản phẩm 3.2.3 Phương pháp xác định GDP theo luồng thu nhập hoặc chi phí 3.2.4 Vấn đề tính trùng, phương pháp giá trị gia tăng 3.3 Các đồng nhất thức kinh tế vĩ mô cơ bản 3.3.1 Đồng nhất thức tiết kiệm và đầu tư 3.3.2 Đồng nhất thức mô tả mối quan hệ giữa các khu vực trong nền kinh tế Nội dung bài tập: (1 tiết)	K1, K2, K3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) - Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi ôn tập, bài tập cuối chương 3 - Sinh viên tự đọc tài liệu, tổng hợp, chuẩn bị bài thuyết trình	K1
	Chương 4: Tổng cầu và chính sách tài khóa	
7+8+9	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết) 4.1 Tổng cầu và sản lượng cân bằng 4.1.1. Tổng cầu trong nền kinh tế giản đơn 4.1.2. Tổng cầu trong nền kinh tế đóng 4.1.3. Tổng cầu trong nền kinh tế mở 4.2. Chính sách tài khóa 4.2.1. Chính sách tài khóa trong lý thuyết 4.2.2. Chính sách tài khóa trong thực tế	K1, K2, K3, K5

	<p>4.2.3. Chính sách tài khóa và vấn đề thâm hụt ngân sách</p> <p>4.2.4. Thâm hụt ngân sách và vấn đề thoái lui đầu tư</p> <p>4.2.5. Các biện pháp tài trợ cho thâm hụt ngân sách</p> <p>4.2.6. Chính sách tài khóa và vấn đề thâm hụt ngân sách của nước ta trong thời gian qua</p> <p>Nội dung bài tập: (2 tiết)</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (24 tiết)</p> <p>- Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi ôn tập, bài tập cuối chương 4</p> <p>- Sinh viên tự đọc tài liệu, tổng hợp, chuẩn bị bài thuyết trình</p>	K1, K2, K3
	<p>Chương 5: Tiền tệ và chính sách tiền tệ</p>	
10+ 11	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (7 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (5 tiết)</p> <p>5.1. Chức năng của tiền tệ</p> <p>5.1.1. Sự ra đời của tiền tệ</p> <p>5.1.2. Chức năng của tiền tệ</p> <p>5.1.3. Các loại tiền</p> <p>5.2. Mức cung tiền (MS) và vai trò kiểm soát tiền tệ của Ngân hàng Trung ương</p> <p>5.2.1. Tiền cơ sở</p> <p>5.2.2. Hoạt động của Ngân hàng thương mại</p> <p>5.2.3. Xác định mức cung tiền</p> <p>5.2.4. Ngân hàng trung ương và vai trò kiểm soát tiền tệ</p> <p>5.3. Mức cầu tiền (MD)</p> <p>5.3.1. Các loại tài sản tài chính</p> <p>5.3.2. Mức cầu tiền (MD)</p> <p>5.3.3. Mức cầu về tài sản (Trái phiếu DB)</p> <p>5.3.4. Mối quan hệ giữa MD và mức cầu về trái phiếu</p> <p>5.4. Tiền tệ, lãi suất và tổng cầu</p> <p>5.4.1. Cân bằng trên thị trường tiền tệ</p> <p>5.4.2. Lãi suất với tiêu dùng, đầu tư và xuất khẩu</p> <p>5.4.3. Lãi suất và tổng cầu</p> <p>5.4.4. Mô hình IS- LM trong nền kinh tế đóng</p> <p>5.5. Chính sách tài khóa, tiền tệ và sự phối hợp hai chính sách này</p> <p>5.5.1. Chính sách tài khóa</p> <p>5.5.2. Chính sách tiền tệ</p> <p>5.5.3. Phối hợp chính sách tài khóa và tiền tệ</p> <p>Nội dung bài tập: (2 tiết)</p>	K1, K2, K4
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (21 tiết)</p> <p>Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi ôn tập, bài tập cuối chương 5</p>	K1, K2, K5
12 + 13	<p>Chương 6: Tổng cung và chu kỳ kinh doanh</p>	
	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</p>	K1, K2

	<p>Nội dung GD lý thuyết: (5 tiết)</p> <p>6.1. Tổng cung và thị trường lao động</p> <p>6.1.1. Thị trường lao động</p> <p>6.1.2. Giá cả tiền công và việc làm</p> <p>6.1.3. Hai trường hợp đặc biệt của đường tổng cung</p> <p>6.1.4. Đường tổng cung thực tế trong ngắn hạn</p> <p>6.2. Mối quan hệ tổng cung, tổng cầu và quá trình tự điều chỉnh</p> <p>6.2.1. Mối quan hệ tổng cung, tổng cầu</p> <p>6.2.2. Sự điều chỉnh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn</p> <p>6.3. Chu kỳ kinh doanh</p> <p>Nội dung bài tập: (1 tiết)</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</p> <p>Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi ôn tập, bài tập cuối chương 6</p>	K1, K2, K3
	<p>Chương 7: Thất nghiệp và lạm phát</p>	
14 + 15	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (5 tiết)</p> <p>7.1. Thất nghiệp</p> <p>7.1.1. Khái niệm thất nghiệp</p> <p>7.1.2. Tác động của thất nghiệp</p> <p>7.1.3. Các loại thất nghiệp</p> <p>7.1.4. Thất nghiệp tự nhiên và nhân tố ảnh hưởng</p> <p>7.2. Lạm phát</p> <p>7.2.1. Khái niệm lạm phát</p> <p>7.2.2. Quy mô lạm phát</p> <p>7.2.3. Tác hại của lạm phát</p> <p>7.2.4. Các lý thuyết về lạm phát</p> <p>7.2.5. Lạm phát của Việt Nam những năm gần đây</p>	K1, K2, K3, K4
	<p>7.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp</p> <p>7.3.1. Đường Philips ban đầu</p> <p>7.3.2. Đường Philips mở rộng</p> <p>7.3.3. Đường Philips dài hạn</p> <p>Nội dung bài tập: (1 tiết)</p>	K1, K2, K3, K4
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</p> <p>Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi ôn tập, bài tập cuối chương 7</p>	K1, K2, K5

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Phòng học, thực hành: rộng rãi, thoáng mát.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: đầy đủ loa, mic, máy chiếu, dụng cụ hỗ trợ khác

X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 7/2016

- Lần 2: 7/2017

- Lần 3: 7/2018

- Lần 4: 7/ 2019

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Tất Thắng	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	Điện thoại liên hệ: 091 944 8688
Email: nguyenduongthang@yahoo.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/index.php/b-mon-kinh-te
Cách liên lạc với giảng viên:	Điện thoại

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Quỳnh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	Điện thoại liên hệ: 093 456 0512
Email: nttquynh@gmail.com / nttquynh@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/index.php/b-mon-kinh-te
Cách liên lạc với giảng viên:	Qua email

Giảng viên hỗ trợ giảng dạy học phần

Họ và tên: Ngô Minh Hải	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	Điện thoại liên hệ: 098 827 8238
Email: hainm2710@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/index.php/b-mon-kinh-te
Cách liên lạc với giảng viên:	Điện thoại

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Trần Đức Trí	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	Điện thoại liên hệ: 0982518766
Email: ductri1002@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/index.php/b-mon-kinh-te
Cách liên lạc với giảng viên:	Điện thoại

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Đoàn Bích Hạnh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	Điện thoại liên hệ: 0985931234
Email: hanhdoan2010@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/index.php/b-mon-kinh-te
Cách liên lạc với giảng viên:	Điện thoại

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Bùi Thị Khánh Hòa	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	Điện thoại liên hệ: 0966108238
Email: buihikhanhhoa.vna@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/index.php/b-mon-kinh-te
Cách liên lạc với giảng viên:	Điện thoại

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Phan Xuân Tân	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn	Điện thoại liên hệ: 0989613691
Email: phanxuantan.hua@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/ktptnt/index.php/b-mon-kinh-te
Cách liên lạc với giảng viên:	Điện thoại